

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC NINH                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HS-ST

Ngày: 29-9-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tuấn Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Diện

2. Ông Diêm Trọng Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Mai Loan - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Nguyễn Văn T1; Con bà: Nguyễn Thị T2; Có vợ là: Ngô Thị H, sinh năm 1995, và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/10/2021 đến ngày 04/10/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, Có mặt tại phiên tòa.

\*, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh BN

2, Đặng Thị Kim T3, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: Khu Thọ T, phường T, thành phố T, tỉnh BN

3, Nguyễn Thị Diễm Q, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Trú tại: Khu Thọ T, phường T, thành phố T, tỉnh BN

4, Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú tại: Khu Thọ T, phường T, thành phố T, tỉnh BN

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải BS (viết tắt là công ty BS), địa chỉ tại: Số 125 đường LTK, thị trấn L, huyện T, tỉnh BN được thành lập theo giấy chứng nhận kinh doanh số 230089.... do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh BN cấp lần đầu ngày 07/10/2015; ngành nghề kinh doanh chính là gia công cơ khí, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép và vận tải; Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Trần Thanh S, sinh năm 1970, HKTT: thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh BN.

Đầu tháng 7/2017, Nguyễn Văn T mua lại Công ty BS để hoạt động kinh doanh. Ngày 11/7/2017 Công ty BS thay đổi giám đốc, người đại diện pháp luật là Nguyễn Văn T, đồng thời, Công ty BS đăng ký bổ sung thêm nhiều ngành, nghề kinh doanh khác chủ yếu mặt hàng sắt thép các loại, cung ứng lao động, xây dựng công trình....

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, do thấy nhiều người có nhu cầu mua hóa đơn GTGT không (không hàng hóa dịch vụ kèm theo) nên T đã bán trái phép hóa đơn GTGT để thu lời bất chính.

Để đảm bảo hoạt động của công ty, T mở tài khoản số 4331000035..... tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh T, mang tên chủ tài khoản là Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải BS. Đồng thời nhờ chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977, HKTT: khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh BN (là người họ hàng của T) đứng tên kế toán trưởng và thuê chị Đặng Thị Kim T3, sinh năm 1981, HKTT: khu Thọ T, phường T, thành phố T, tỉnh BN làm kế toán thuế của công ty.

Trong thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2019, Nguyễn Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn để kiếm lời bất chính.

Ngày 01/10/2021 Nguyễn Văn T đến Cơ quan CSĐT (PC03) Công an tỉnh BN đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra đã xác định hành vi phạm tội của T như sau:

### **1. Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT:**

Khi khách hàng có nhu cầu mua hóa đơn GTGT không thì trực tiếp liên hệ với T để thống nhất giá cả, cách thức viết hóa đơn, biên bản giao nhận hàng hóa, hợp đồng kinh tế, cách thức giao nhận hóa đơn chứng từ, thanh toán chuyển khoản tiền mua hàng hóa. Việc thanh toán tiền mua hóa đơn không được trả bằng tiền mặt. Để xuất không hóa đơn GTGT, T yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin về tên hàng hóa, số lượng, chủng loại, trị giá tiền hàng và thông tin doanh nghiệp cần mua không hóa đơn GTGT. Sau khi có thông tin, T nhờ Nguyễn Thị Diễm Q và Nguyễn Thị Kim H2 cùng ở: khu Thọ T, phường T, thành phố T, tỉnh BN (là người làm thuê cho cậu ruột của T) soạn thảo hợp đồng kinh tế, viết hóa đơn GTGT, chứng từ giao dịch rồi T chỉ đạo nhân viên công ty hoặc người quen viết

phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hóa, sau đó toàn bộ chứng từ chuyển lại cho T để ký tên, đóng dấu và giao cho khách hàng. Ngoài ra có nhiều lần T tự ký tên, đóng dấu vào hóa đơn, chứng từ sau đó chuyển lại cho khách hàng để họ tự viết nội dung.

Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT, T yêu cầu khách hàng chuyển đủ số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn vào tài khoản của công ty BS, sau đó T đưa giấy rút tiền mặt, giấy giới thiệu cho nhân viên hoặc người được T nhờ rút tiền tại tài khoản của công ty BS thực hiện việc rút tiền. Toàn bộ số tiền rút từ ngân hàng, những người này đưa lại cho T để T trả lại cho khách sau khi đã trừ đi số tiền bán không hóa đơn GTGT tương đương 1,7% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Việc giao nhận bằng tiền mặt không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức trên, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2019, Nguyễn Văn T đã xuất bán không 705 tờ hóa đơn GTGT cho 109 Công ty với giá bán 1,7% tổng trị giá tiền hàng trước thuế. Tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn 236.744.799.270 đồng, tiền thuế là 23.674.479.927 đồng, cụ thể như sau:

**\* Các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn của Công ty BS** có tiền thuế GTGT 100 triệu đồng trở lên hoặc sử dụng 10 số hóa đơn trở lên gồm: 41 doanh nghiệp, cụ thể:

T xuất bán không 27 hóa đơn cho 02 công ty thông qua đối tượng Nguyễn Đức C, sinh năm 1992, HKTT: số 39, ngách 19, ngõ 317 đường T, VQ, HĐ, HN với tổng số tiền hàng chưa thuế là 1.111.384.097 đồng, tiền thuế là 111.138.410 đồng. Hiện nay, Nguyễn Đức C đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang khởi tố, điều tra, xử lý do vậy không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Còn 39 công ty, quá trình điều tra: Đại diện của các công ty đều trình bày mua hàng hóa, dịch vụ có thật của công ty BS bằng hình thức gọi điện thoại hoặc gặp trực tiếp để thỏa thuận thông qua người trung gian (không nhớ lai lịch cụ thể). Khi mua bán hàng hóa đều có hóa đơn, chứng từ đầy đủ và thanh toán chuyển khoản theo quy định của pháp luật. Có một số công ty thanh toán bằng tiền mặt đối với tiền hàng dưới 20.000.000 đồng. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, các công ty này đều xuất trình và cung cấp cho Cơ quan điều tra đầy đủ các chứng từ hợp lệ liên quan đến việc mua bán hàng hóa, dịch vụ với Công ty BS. Các doanh nghiệp này đều trình bày không giao dịch trực tiếp với Nguyễn Văn T và không biết T là ai, không có hành vi mua không hóa đơn hoặc trốn thuế.

**\* Đối với 68 công ty sử dụng hóa đơn không của công ty BS có tổng giá trị tiền thuế dưới 100 triệu đồng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi công văn yêu cầu cung cấp tài liệu và giải trình về việc nhận hóa đơn của công ty BS. Kết quả điều tra đại diện của 68 công ty đều trình bày mua hàng hóa thật của công ty BS. Khi mua có đầy đủ thủ tục và thanh toán bằng tiền mặt hoặc qua hệ thống tài khoản ngân hàng của hai bên công ty theo đúng quy định và không thừa nhận việc mua hóa đơn bất hợp pháp.

## **2. Đối với hành vi mua không hóa đơn GTGT đầu vào:**

Đề hợp thức việc kê khai báo cáo thuế đối với các số hóa đơn đã xuất bán không trong từng tháng hoặc từng quý của Công ty BS, T đã liên hệ với một số đối tượng ở Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang mua không 284 số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn 236.265.951.832 đồng, tiền thuế là: 23.626.595.183 đồng của 10 công ty với giá mua hóa đơn không 1,6% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, cụ thể như sau:

Khi mua hóa đơn, T yêu cầu bên bán cung cấp hóa đơn GTGT hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, nhập kho, biên bản giao nhận hàng hóa không... giống như giao dịch có thật, đồng thời cung cấp giấy giới thiệu, giấy rút tiền mặt không đã được ký và đóng dấu của đơn vị bán hàng để T thực hiện việc thanh toán chuyển khoản và rút tiền tại ngân hàng.

Sau khi nhận hóa đơn, chứng từ không như đã thỏa thuận, T đưa cho nhân viên hoặc người quen giấy ủy nhiệm chi của Công ty BS đến ngân hàng thanh toán chuyển tiền vào tài khoản của đơn vị bán hàng, sau đó đưa giấy giới thiệu, giấy rút tiền mặt không do đơn vị bán hàng cung cấp để nhờ người ra ngân hàng rút toàn bộ số tiền vừa chuyển cho đơn vị bán hàng về đưa lại cho T. Số tiền rút về T trích trả tiền mua hóa đơn GTGT tương ứng với giá 1,6% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn cho những người T liên hệ mua. Việc thanh toán trả tiền mua không hóa đơn GTGT bằng tiền mặt, không có giấy tờ, sổ sách ghi chép.

Tiến hành điều tra, xác minh về các Công ty đã xuất bán hóa đơn không cho T xác định: Các công ty này đều ngừng hoạt động hoặc không có trụ sở, hoặc không hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế; giám đốc vắng mặt tại địa phương.

Việc kê khai, báo cáo thuế và báo cáo tài chính cho công ty BS được thực hiện như sau: Khi đến kỳ báo cáo thuế, báo cáo tài chính T chuyển hóa đơn, chứng từ của công ty BS cho chị Đặng Thị Kim T3 thực hiện, chị T3 không phải đến công ty BS làm việc và T không trao đổi cho chị T3 biết việc T mua bán trái phép hóa đơn.

Toàn bộ các số hóa đơn GTGT mua vào và bán ra đã được Công ty BS kê khai báo cáo thuế tại Chi cục thuế khu vực TS- YP.

## **3. Về số tiền hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn:**

Với việc mua hóa đơn GTGT đầu vào với giá 1,6%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và bán ra với giá 1,7%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn như đã nêu trên, Nguyễn Văn T đã được hưởng lợi như sau:

- Số tiền mua không 284 số hóa đơn GTGT đầu vào là: 236.265.951.832 đồng x 1,6% = 3.780.255.229 đồng.
- Số tiền bán không 705 số hoá đơn GTGT đầu ra là: 236.744.799.270 đồng x 1,7% = 4.024.661.588 đồng.
- Số tiền hưởng lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT là:

4.024.661.588 đồng - 3.780.255.229 đồng = 244.406.359 đồng

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã tự nguyện giao nộp 244.500.000 đồng để khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 58/CTr-VKS-P1 ngày 03/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận sau khi mua lại công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải BS với ngành nghề kinh doanh gia công cơ khí, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép và vận tải, sắt thép các loại, cung ứng lao động, xây dựng công trình...để hoạt động kinh doanh thương mại, do thấy có nhiều người có nhu cầu mua không hóa đơn GTGT và việc mua, bán không hóa đơn GTGT dễ dàng thực hiện để kiếm lợi bất chính nên từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2019 bị cáo đã xuất bán không 705 số hóa đơn GTGT mang tên công ty BS cho các doanh nghiệp với tổng trị giá tiền hàng là 236.744.799.270 đồng, tiền thuế 23.674.479.927 đồng, với giá 1,7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Để hợp thức hóa việc kê khai báo cáo thuế cho công ty BS, T đã mua không 284 hóa đơn GTGT đầu vào của các công ty ở Hải Phòng, Hà Nội, Bắc Giang với tổng trị giá tiền hàng là 236.265.951.832 đồng, tiền thuế là 23.626.595.183 đồng, với giá 1,6%/ giá trị tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn. Với việc mua, bán không hóa đơn GTGT nêu trên bị cáo đã thu lợi bất chính 244.406.359 đồng. Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp 244.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Căn cứ vào hành vi phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; căn cứ vào nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng sung Ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo T đã nộp 200.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000633 ngày 28/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 244.406.359 đồng là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T giao nộp.

Bị cáo T không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Xem xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2019 Nguyễn Văn T đã xuất bán khống 705 số hóa đơn GTGT mang tên công ty BS cho các doanh nghiệp với tổng trị giá tiền hàng là 236.744.779.270 đồng, tiền thuế 23.674.479.927 đồng, với giá 1,7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Để hợp thức hóa việc kê khai báo cáo thuế cho công ty BS, T đã mua khống 284 hóa đơn GTGT đầu vào của các công ty ở Hải Phòng, Hà Nội, Bắc Giang với tổng trị giá tiền hàng là 236.265.951.832 đồng, tiền thuế là 23.626.595.183 đồng, với giá 1,6%/ giá trị tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn. Với việc mua, bán khống hóa đơn GTGT nêu trên bị cáo đã thu lợi bất chính 244.406.359 đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” với tình tiết định khung được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sản xuất, kinh doanh. Bị cáo chỉ vì hám lợi mà phạm tội nên cần xử phạt nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy*: Sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan Công an đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt nên xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Về vật chứng và các biện pháp tư pháp*: Đối với số tiền 244.406.359 đồng là tiền thu lời bất chính của bị cáo T do vậy cần buộc bị cáo phải giao nộp lại để sung Ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo T đã giao nộp số tiền 244.500.000 đồng.

Liên quan trong vụ án có Nguyễn Thị H1- Kế toán trưởng công ty, chỉ được T nhờ đứng tên kế toán trưởng, ký tên vào giấy tờ, chứng từ liên quan đến việc mở tài khoản, các chứng từ giao dịch với ngân hàng; Đặng Thị Kim T3 có vai trò là kế toán thuế của Công ty BS, T3 có nhiệm vụ tập hợp các hóa đơn chứng từ của Công ty để lập bảng kê, báo cáo thuế tại nhà riêng của T3 để báo cáo thuế định kỳ. Bản thân H1, T3 không tham gia, không biết gì về hoạt động của công ty BS, không được T trao đổi, thỏa thuận gì hay được hưởng lợi gì liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Diễm Q, Nguyễn Thị Kim H2 là người giúp Nguyễn Văn T viết nội dung hóa đơn GTGT không theo chỉ đạo của T. Bản thân Q và H2 không được T trao đổi, thỏa thuận hay cho hưởng lợi gì từ việc mua bán hóa đơn nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với người có tên K, H4, K1 mà T đã trực tiếp liên hệ để mua không hóa đơn GTGT đầu vào, do không có thông tin về nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở để điều tra, xác minh khi nào có căn cứ Cơ quan điều tra sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với 25 người được T nhờ đi rút tiền tại tài khoản ngân hàng của Công ty BS, gồm: Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị Đ; Nguyễn Đại D; Nguyễn Thị Thu H3; Lê Thị T1; Nguyễn Thị H5; Nguyễn Phương T3; Trần Thị L; Chu Tam H3; Trần Chí Q1; Nguyễn Công H4; Trần Thị H5; Lê Mạnh H6; Nguyễn Thị Thu H7; Nguyễn Văn H8; Nguyễn Thị M; Trần Thị D1; Đỗ Thị L1; Ngô Thị H; Lê Thị N; Nguyễn Thị T5; Nguyễn Thị Diễm Q; Nguyễn Thị H1; Lê Thị S; Nguyễn Đăng P1. Tất cả đều không được T trao đổi, bàn bạc thỏa thuận hay hưởng lợi gì về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT nên Cơ quan điều tra đã tiến hành giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Đối với Nguyễn Đức C, sinh năm 1992, HKTT: số 39, ngách 19, ngõ 317 đường T, VQ, HĐ, HN - Là người trung gian mua 27 số hóa đơn GTGT của Công ty BS để bán cho 02 doanh nghiệp: Công ty TNHH Tae Kyung Tech Vina; Công ty Smart Tech Vina. Đến nay, Nguyễn Đức C đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang khởi tố, điều tra, do vậy Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với 10 công ty đã xuất không hóa đơn GTGT đầu vào cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải BS, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc

Ninh sẽ tách tài liệu để chuyển đến Cơ quan điều tra của các địa phương để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 68 công ty sử dụng hóa đơn của Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải BS, có tổng trị giá tiền thuế dưới 100 triệu đồng hoặc sử dụng dưới 10 số hóa đơn GTGT, không thừa nhận việc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn và không đủ căn cứ để xem xét, xử lý hình sự, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị cơ quan quản lý Thuế các đơn vị này biết để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 41 công ty đầu ra của Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải BS có số tiền thuế trên 100 triệu đồng hoặc tiền thuế dưới 100 triệu đồng nhưng sử dụng từ 10 số hóa đơn có ghi nội dung trở lên, với các tài liệu điều tra chưa đủ cơ sở xác định các doanh nghiệp này có hành vi mua khống hóa đơn để trốn thuế hay mua bán trái phép hóa đơn. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau, đồng thời có công văn trao đổi với cơ quan quản lý Thuế xem xét xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 35 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Xử phạt: Nguyễn Văn T 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 200.200.000đ (Hai trăm triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021 0000633 ngày 28/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền thu lời bất chính của bị cáo T là 244.406.359 đồng. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã giao nộp số tiền là 244.500.000 đồng (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 58/QĐ-VKS-P1 ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Biên lai thu tiền số AA/2021/0000425 ngày 04/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong



hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- Phòng PC 10, Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan điều tra (PC01), Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tuấn Anh**